

NGHIÊN CỨU LỄ CÚNG CẦU AN QUA VĂN BẢN TỤC LỆ HÁN NÔM HUYỆN TỪ LIÊM, TỈNH HÀ ĐÔNG XƯA

Nguyễn Thị Hoàng Yên

Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Tóm tắt: Mục cúng tế trong các văn bản tục lệ Hán Nôm gồm nhiều lễ cúng như Tết Nguyên đán, Khai hạ, Cầu an, Cầu phúc, Hàn thực, Đoan ngo, Hạ điền, Trung nguyên, Thượng điền, Trung thu, Thường tân, Lạp tiết, Trừ tịch, Giao thừa... Mỗi lễ cúng thường mang ý nghĩa nhất định. Với mong muốn được sống khỏe mạnh, bình yên, người dân làng xã xưa thường tổ chức cúng Cầu an vào dịp đầu năm. Bài viết này tìm hiểu lễ cúng Cầu an xưa qua văn bản tục lệ huyện Từ Liêm.

Từ khóa: Tục lệ, tiết cầu an, huyện Từ Liêm.

Nhận bài ngày 8.1.2022; gửi phản biện chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 27.2.2022

Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Hoàng Yên; Email: hoangyenhanom@gmail.com

1. MỞ ĐẦU

Tiết Cầu an thường tổ chức vào cuối xuân đầu hạ từ tháng 3 đến tháng 5, người dân làm lễ cầu đảo, gọi là lễ Cầu an. Vì mùa ấy thường có dịch khí, bệnh dịch, tục cũ tin rằng đó là việc quý thần, nên cầu cúng mong cho dân làng khỏe mạnh, yên lành. Lễ cúng này dùng nhiều đồ vàng mã, cúng trời đất, Nam Tào Bắc Đẩu tinh quân, thần Đương niên và thần Ôn dịch. Trước hết, chúng tôi xin giới thiệu một số đặc điểm của huyện Từ Liêm, như vị trí địa lý, phong tục tập quán, sản vật và khí hậu. Về vị trí địa lý: Theo sách *Đồng Khánh địa dư chí*, huyện Từ Liêm do phủ Hoài Đức kiêm lý. Huyện hạt phía đông giáp giới huyện Vĩnh Thuận, phía tây giáp giới huyện Đan Phượng tỉnh Sơn Tây, phía nam giáp giang phận huyện Yên Sơn, phía bắc giáp sông Nhị Hà, đối bờ với hai huyện Yên Lãng, Yên Lạc. Đông tây cách nhau 17 dặm 13 trượng lẻ. Nam bắc cách nhau 33 dặm 90 trượng 2 thước lẻ. Huyện có 13 tổng, gồm xã, thôn, trại, châu, sở¹. Về phong tục: các xã Đông Ngạc, Tây Tựu, Hương Canh, Vân Canh, La Khê, La Nội, Phú Diễn có nhiều nhà khoa bảng, nên tương đối hào hoa phong nhã. Còn lại thì chất phác nhưng ương ngạnh. Việc cưới xin, ma chay trong huyện nói chung giản tiện. Hàng năm đến mùa xuân mở hội tế thần, có ca hát, kéo dây, múa rối, vui

¹ Theo *Đồng Khánh địa dư chí*, tập 2, Nxb Thế giới, trang 7.

chơi hàng tuần mới thôi. Dân Cổ Nhuế, Hạ Mỗ hung hãn. Các xã Thượng Thụy, Phú Gia, Phùng Khoang rải rác có dân theo đạo [Thiên chúa].

Sản vật: Trong huyện nhiều lúa thu, ít lúa hè. Dâu tằm, khoai, đậu trồng ở đất bãi ven sông. Xã La Khê có nghề dệt the hoa, lương ta¹. Các nghề làm phụ khi nhàn rỗi thì như ở ba xã Đại Mỗ, Thượng Yên Quyết, Dịch Vọng dệt đũi. Xã Ngải Cầu dệt nhung ta. Xã Nghĩa Đô diệt lĩnh, làm mạch nha. Xã Đông Lao làm bột nếp. Xã Dịch Vọng còn có nghề làm cốm xanh². Các xã Thượng Cát, Phú Gia, Hạ Hội, Phú Diễn, Đông Ngạc dệt loại vải trắng để nộp thuế. Các xã Ngải Cầu, Thượng Cát và Đại Cát có nghề nấu rượu, nhưng hương vị không ngon lắm. Các nghề thợ thì xã Thượng Hội có thợ thuê, xã Vĩnh Kỳ có thợ đóng bánh ngựa³. Về kinh tế ngoài việc trồng lúa, hoa màu, hầu hết các làng xã huyện Từ Liêm xưa đều có nghề phụ, việc kinh doanh buôn bán phát triển từ sớm. Chính vì vậy, đời sống vật chất của người dân địa phương khá sung túc, dư dả.

Khí hậu: các tháng giêng, hai, ba ẩm áp, có mưa phùn. Các tháng tư, năm, sáu, bảy nắng nóng, thường có mưa rào, nước sông dâng cao. Tháng tám mát dịu, nhiều mưa, thỉnh thoảng có bão. Tháng chín ít mưa, nước sông rút dần. Tháng mười đến đầu tháng chạp gió bắc rét lạnh⁴. Kết quả thống kê văn bản tục lệ Hán Nôm tỉnh Hà Đông xưa hiện lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm cho thấy, huyện Từ Liêm có 24 văn bản ghi chép về lễ cúng này. Trong đó, tục lệ xã Đông Ngạc có quy định sớm nhất về lễ cúng cầu an (Cảnh Hưng thứ 2 - 1741); tục lệ giáp Chùa Nhất, thôn Kim Hoàng, xã Vân Canh quy định lễ cúng này muộn nhất (Thành Thái thứ 18 - 1906). Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi sẽ tiến hành nghiên cứu lễ cúng Cầu an ở huyện Từ Liêm xưa, tìm hiểu về các phương diện: lễ vật cúng tế, nguồn kinh phí mua sắm lễ vật và thụ lộc.

2. NỘI DUNG

2.1. Lễ cúng cầu an huyện Từ Liêm xưa qua văn bản tục lệ Hán Nôm

Người dân huyện Từ Liêm xưa không chỉ tổ chức cúng cầu an ở đình mà còn cúng ở chùa và miếu. Thời điểm cúng không vào một thời gian cố định trong năm, mà tiến hành cúng vào nhiều tháng khác nhau, thường vào các tháng 3, tháng 4, tháng 5, tùy tục lệ từng làng. Có lẽ, khoảng thời gian này thường xảy ra dịch bệnh, người dân dễ bị ốm nên các làng xã tổ chức cúng cầu an. Lễ vật cúng cầu an rất phong phú, tùy vào điều kiện kinh tế và phong tục của từng làng xã khác nhau mà sắm sửa: lợn, gà, bánh, oản quả, xôi, cơm, rượu, trầu cau, chuối, kim ngân, vàng mã,... Cụ thể như sau:

Bảng 1. Bảng lễ vật cúng cầu an

¹ Nam lương hàng dệt bằng sợi nhỏ mịn: bằng sợi tơ gọi là the hoặc nhiễu; bằng sợi bông gọi là lương. Hàng do người nước ta sản xuất thì thêm từ Nam, phân biệt với hàng Tàu (Trung Quốc).

² Xã Dịch Vọng tên Nôm là làng Vòng, cốm xanh do dân xã này làm ra thường gọi là Cốm Vòng.

³ Theo Đồng Khánh địa dư chí (sdd), trang 9.

⁴ Theo Đồng Khánh địa dư chí (sdd), trang 10.

TT	Tên sách	Ký hiệu	Niên đại	Ngày	Lợn	Gà	Bánh	Xôi	Cơm	Rượu	Trầu cau	Hoa quả	Kim ngân	Đồ mã	Khác
1.	Chùa Nhất giáp khoán	A.730	Thành Thái 18 (1906)	8/3											Mua lễ 3 quan tiền
2.	Đông Ngạc xã hương lão giáp lệ ba	AFa2/68	Tự Đức 15 (1862)							1 nôi	60 miếng				
3.	Đông Ngạc xã hương ước điều lệ	A.2506	Cánh Hưng 2 (1741)												1 mâm cỗ chay, cỗ giải
			Cánh Hưng 15 (1754)			40 cái oản		8 cái nôi đồng		+					
4.	Đông Ngạc xã tục lệ	A.732	Không ghi												Không ghi
5.	Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Cổ Nhuế tổng Phú Diễn xã khoán lệ (Phú Diễn)	AFa2/55	Minh Mệnh 15 (1834)												Không ghi
6.	Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Cổ Nhuế tổng Phù Diễn xã Nguyễn Xá thôn khoán lệ (Nguyễn Xá)	AFa2/55	Tự Đức 3 (1850)	Tháng 3				8 cân				+			48 bát chè ngọt
7.	Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Cổ Nhuế tổng Phù Diễn xã Kiều Trì thôn khoán lệ (Kiều Trì)	AFa2/55	Cánh Thịnh 8 (1800)	Tháng 3				Nửa cân		Nửa chính					Nửa cân thịt
8.	Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Hạ Trì tổng Hạ Trì xã Trung thôn phong tục (Trung thôn)	AFa2/58	Tự Đức 31 (1878)	Cáo yết		+		+		4 cút					4 cỗ gà xôi
								4 mâm		3 cút					
9.	Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Hạ Trì tổng Hạ Trì xã Hạ thôn phong tục (Hạ thôn)	AFa2/58	Đồng Khánh 2 (1887)	Tháng 3			Oản 30 đầu	30 đầu		1 chính	30 quả cau		+	+	Chè đồ 30 bát
10.	Hà Đông tỉnh Hoài	AFa2/59	Tự Đức 14		1 con		20 cái oản			1 bình	10 miếng	1 nải chuối			4 bát chè

TT	Tên sách	Ký hiệu	Niên đại	Ngày	Lợn	Gà	Bánh	Xôi	Cơm	Rượu	Trầu cau	Hoa quả	Kim ngân	Đồ mã	Khác
	Đức phủ Từ Liêm huyện Hạ Trì tổng Thượng Cát xã phong tục (Thượng Cát)		(1861)								Trầu cau trâu				
11.	Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Hạ Trì tổng Thượng Cát xã phong tục (Thượng Cát Vạn)	AFa2/59	Thành Thái 6 (1894)					1 mâm m 4 đầu	+	+					Thị trâu bò hoặc lợn gà
12.	Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Hạ Trì tổng Mạc Xá xã phong tục (Mạc Xá)	AFa2/59	Cánh Hưng 39 (1778)				Bánh dày								
			Gia Long 18 (1819)		+	+						+		+	chè
13.	Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Phú Gia tổng Thụy Phương xã phong tục (Thụy Phương)	AFa2/63	Thành Thái 18 (1906)			+	20 cái oản	+	1 nôi	1 nải	+	2 nải chuối			1 cái thừ lợn, 4 cái chân giò lợn, 1 miếng thịt bụng, 2 mâm cỗ
14.	Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Phú Gia tổng Nhật Tảo xã phong tục (Nhật Tảo)	AFa2/63	Gia Long 5 (1806)	15/5				1 mâm m 10 đầu			1 hộp 10 miếng	1 nải chuối			1 hộp muối vừng ngon
15.	Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Tây Tư tổng Phúc Lý xã khoán lệ (Phúc Lý)	AFa2/64	Gia Long 2 (1803)		1con	2con	7 đầu oản	2 mâm m 4 cân		1 nải	20 miếng				Mỗi mâm xôi đáng 12, đáng 1 cân
				chùa			7 đầu gạo nếp làm oản		3 nải	80 miếng				Tiền	
16.	Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Tây Tư tổng Hạ Hội xã khoán lệ (Hạ Hội)	AFa2/64	Tự Đức 11 (1858)	Tháng 2											Cỗ chay
17.	Hà Đông tỉnh Hoài	AFa2/66	Minh Mệnh 9		+					+					

TT	Tên sách	Ký hiệu	Niên đại	Ngày	Lợn	Gà	Bánh	Xôi	Cơm	Rượu	Trầu cau	Hoa quả	Kim ngân	Đồ mã	Khác
	Đức phủ Từ Liêm huyện Thượng Trì tổng Thượng Trì xã Nội thôn phong tục (Thượng Trì)		(1828)												
18.	Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Yên Lũng tổng La Dương xã phong tục (La Dương)	AFa2/78	Thiệu Trị 2 (1842)	Tháng 2		+		+							Thù lợn
19.	Hoa Ngạc xã tế lễ nghi tiết bạ (Hoa Ngạc)	AFa2/62	Cánh Hưng 44 (1783)		1con			8 mâm			+	+	1300		Chè, hương
20.	Hữu Quang hương lệ	A.2019	Tự Đức 17 (1864)												Không ghi
21.	Kiều Trì hương lệ (Kiều Trì)	A.422/2	Cánh Hưng 8 (1747)												Không ghi
22.	Lập khoán hương lệ	A.1345	Tự Đức 14 (1861)		1con		20 cái oản			1 bình	10 miếng	1 nải chuối			1 cỗ, 4 bát chè
23.	Ngạc Nhất giáp lệ bạ	AFa2/71	Cánh Hưng 15 (1754)	15/4			40 cái oản				+				
			Cánh Hưng 2 (1741)						+	+				1 mâm cỗ chay	
24.	Ngạc Nhất giáp lệ bạ	AFa2/73	Cánh Hưng 9 (1748)					+							Thịt

Theo bảng 1., chúng ta thấy tục lệ huyện Từ Liêm có 24 văn bản quy định lệ cúng này. Lễ vật cúng gồm có: lợn, gà, thịt gia súc, oản, xôi, bánh dày, chè, cơm, rượu, trầu cau, hoa quả, kim ngân, đồ mã, lễ gà xôi, mâm cỗ chay, cỗ mặn. Lễ vật cúng được nhiều văn bản quy định nhất, gồm xôi (12 lần), rượu (11 lần), oản (8 lần), hoa quả (7 lần), trong đó chuối (4 lần), chè (6 lần), thịt gia súc (6 lần) và một số văn bản không quy định cụ thể lễ vật (6 lần). Lễ vật cúng 1 con lợn (4 lần quy định) và 2 con gà (1 lần quy định), cúng thịt lợn (2 lần quy định) và gà (không ghi rõ số lượng bao nhiêu con với 4 lần quy định). Mỗi kỳ cúng lễ vật cụ thể gồm những thứ gì, kinh phí mua sắm nhiều hay ít còn tùy thuộc phong tục và điều kiện kinh tế từng làng xã. Tuy nhiên, một số làng xã không ghi cụ thể lễ vật bày cúng (7 lần). Một số làng mua lễ vật khá tốn kém như: 1 con lợn, rượu (3 lần); lợn, xôi, đồ mã, kim ngân, trầu cau, chè, hoa quả (3 lần); Lợn, gà, rượu, xôi, trầu cau (1 lần); 4 lễ gà xôi, 15 mâm cỗ, 4 mâm xôi (1 lần). Bên cạnh đó, một số làng mua sắm lễ vật ít tốn kém hơn, cụ thể lễ vật là cỗ chay, trầu cau, rượu (3 lần); oản, chè, xôi, rượu, trầu cau (2 lần); oản, chuối, chè, trầu cau, rượu (1 lần); xôi, chuối, trầu (1 lần); mâm cỗ chay (1 lần); bánh (1 lần). Lễ cúng cầu an không tổ

chức hát xướng. Như vậy, lễ vật chính cúng cầu an gồm có xôi, rượu, hoa quả, chè và thịt gia súc. Nhìn chung, lễ vật cúng là những sản vật nông nghiệp có sẵn tại địa phương, hoa quả cúng thường theo mùa. Kinh phí sắm sửa lễ vật không quá tốn kém và không phụ thuộc vào thu hoạch mùa màng của địa phương. Địa điểm tiến hành cúng cầu an có thể là đình, chùa, miếu, đền. Tuy nhiên, hầu hết các văn bản tục lệ không ghi cụ thể địa điểm cúng (17 lần). Ngoài ra, một số văn bản ghi cúng cầu an ở chùa (5 lần), miếu (2 lần), đền (1 lần), đình (1 lần). Như vậy, lễ cúng cầu an chủ yếu diễn ra ở chùa. Lễ vật cúng ở chùa thường là oản làm từ gạo nếp, mâm cỗ chay, kim ngân, trà cau, rượu. Lễ vật cúng ở đình, đền, miếu thường là mâm cỗ mặn, lợn, gà, xôi, rượu, trà cau, kim ngân. Những người chịu trách nhiệm mua sắm lễ vật cúng cầu an bao gồm nhiều thành phần khác nhau, cụ thể chúng tôi thống kê được như sau: giáp (4 lần), thôn trưởng (3 lần), không ghi rõ người mua lễ vật (3 lần), phiên cày ruộng (2 lần), Lý trưởng và khán thủ (2 lần), Đương cai (2 lần), Thôn trưởng và tuần phiên (1 lần), giáp cai (1 lần), chủ tế cai tế và Đương cai (1 lần). Như vậy, tục lệ huyện Từ Liêm giáp là thành phần chịu trách nhiệm sắm sửa lễ vật cúng cầu an. Thời gian cúng cầu an thường vào tháng 3 (4 lần quy định). Đây là thời gian giao mùa từ xuân sang hè, có nhiều dịch bệnh. Tuy nhiên, số văn bản không ghi cụ thể thời gian cúng chiếm số lượng nhiều nhất (với 20 lần).

2.2. Nguồn kinh phí mua sắm lễ vật cúng cầu an

Nguồn kinh phí sắm sửa lễ vật được lấy từ nhiều nguồn khác nhau, như: chia cho số người trong hương ẩm hoặc giáp (thôn), Đương cai hoặc Hương trưởng, Giáp trưởng lấy tiền của giáp (thôn/làng/xã), làng xã để ra một số ruộng đất phục vụ cho mục đích cúng lễ... tùy theo điều kiện kinh tế và phong tục của từng giáp, làng, xã. Cụ thể, nguồn kinh phí mua sắm lễ vật cúng cầu an như sau:

Bảng 2. Bảng nguồn kinh phí cúng cầu an

TT	Tên sách	Ký hiệu	Niên đại	Chia tiền	Giáp/thôn/làng/xã	Ruộng tế	Nguồn khác
1.	Chùa Nhất giáp khoán	A.730	Thành Thái 18 (1906)				Không ghi
2.	Đông Ngạc xã hương lão giáp lễ bạ	AFa2/68	Tự Đức 15 (1862)		+		
3.	Đông Ngạc xã hương ước điều lệ	A.2506	Cánh Hung 2 (1741)				Không ghi
			Cánh Hung 15 (1754)		+		
4.	Đông Ngạc xã tục lệ	A.732	Không ghi		+		
5.	Phú Diễn	AFa2/55	Minh Mệnh 15 (1834)				Không ghi
6.	Nguyễn Xá	AFa2/55	Tự Đức 3 (1850)		+		
7.	Kiều Trì	AFa2/55	Cánh Thịnh 8 (1800)		+		
8.	Trung thôn	AFa2/58	Tự Đức 31 (1878)		+		
9.	Hạ thôn	AFa2/58	Đông Khánh 2 (1887)	+			
10.	Thượng Cát	AFa2/59	Tự Đức 14 (1861)				Lợn không ghi rõ ai mua. Lý trưởng, khán thủ sắm oản, chuối, chè, rượu, trà cau.
11.	Thượng Cát vạn	AFa2/59	Thành Thái 6 (1894)		+		
12.	Mạc Xá	AFa2/59	Cánh Hung 39 (1778)			+	
			Gia Long 18 (1819)		+		

TT	Tên sách	Ký hiệu	Niên đại	Chia tiền	Giáp/thôn/làng/xã	Ruộng tế	Nguồn khác
13.	Thụy Phương	AFa2/63	Thành Thái 18 (1906)		+		
14.	Nhật Tảo	AFa2/63	Gia Long 5 (1806)		+		
15.	Phúc Lý	AFa2/64	Gia Long 2 (1803)			+	
16.	Hạ Hội	AFa2/64	Tự Đức 11 (1858)		+		
17.	Nội thôn	AFa2/66	Minh Mệnh 9 (1828)	+	+		
18.	La Dương	AFa2/78	Thiệu Trị 2 (1842)	+			
19.	Hoa Ngạc xã tế lễ nghi tiết bạ	AFa2/62	Cảnh Hưng 44 (1783)				Không ghi
20.	Hữu Quang hương lệ	A.2019	Tự Đức 17 (1864)	+			
21.	Kiều Tri hương lệ	A.422/2	Cảnh Hưng 8 (1747)	+			
22.	Lập khoán hương lệ	A.1345	Tự Đức 14 (1861)				Không ghi
23.	Ngạc Nhất giáp lệ bạ	AFa2/71	Cảnh Hưng 15 (1754)		+		
			Cảnh Hưng 2 (1741)				Không ghi
44.	Ngạc Nhất giáp lệ bạ	AFa2/73	Cảnh Hưng 9 (1748)	+	+		

Từ bảng thống kê 2. ở trên, chúng tôi thấy kinh phí dùng để mua sắm lễ vật cúng cầu an huyện Từ Liêm chủ yếu do các giáp (thôn, làng, xã) cung cấp (14/27 lần). Một số giáp (làng, xã) chia số tiền mua sắm lễ vật cho số người hoặc gia đình ở đó. Tiền có thể được thu trước khi mua lễ vật hoặc Đương cai, Lý trưởng,... ứng tiền ra mua sắm lễ vật rồi sau đó chia tiền theo số người trong hương âm. Và người nào nộp tiền chậm, sẽ bị phạt. Tuy nhiên hình thức chia tiền không được quy định nhiều lần trong các văn bản tục lệ (6/27 lần). Bên cạnh đó, một số làng xã không quy định cụ thể nguồn kinh phí mua sắm lễ vật lấy từ đâu (6/27 lần). Ngoài ra, một số làng xã đề ra một số ruộng nhất định và hoa lợi thu được từ ruộng đó để mua sắm lễ vật cúng cầu an hàng năm. Tuy nhiên, việc này còn phụ thuộc vào số ruộng đất của các làng (giáp/thôn) nhiều hay ít, chính vì vậy hình thức này không có nhiều làng (xã, thôn) thực hiện (2/27 lần). Cụ thể, xã Mạc Xá và xã Phúc Lý, huyện Từ Liêm nằm ở ven sông Hồng, quỹ đất của xã tương đối rộng rãi. Người dân thường trồng dâu tằm, khoai, đậu ở bãi đất ven sông. Hầu hết các làng xã huyện Từ Liêm chỉ có một nguồn kinh phí mua sắm lễ vật cúng cầu an, duy nhất văn bản tục lệ của xã La Dương có hai nguồn kinh phí mua sắm lễ vật cúng, nguồn thứ nhất là xã bỏ tiền ra và nguồn thứ hai do người dân cùng đóng góp. Ngoài ra, nguồn kinh phí sắm sửa lễ vật có sự thay đổi theo thời gian, cụ thể là ở xã Mạc Xá. Văn bản tục lệ xã Mạc Xá lập vào năm Cảnh Hưng thứ 39 (1778), kinh phí mua sắm lễ vật được lấy từ ruộng tế (tự điền). Xã lấy 2 sào ruộng ở xứ Đồng Nội Hạ, mỗi sào dùng 20 đấu gạo làm bánh dày, mỗi đấu chia đều làm 6 cái. Mỗi sào dùng 2 cân. Ruộng chia đều cho 4 phiên, mỗi phiên nửa sào làm bánh. Người dân hay các giáp hoàn toàn không phải đóng góp kinh phí. Nhưng đến năm Gia Long thứ 18 (1819), bản tục lệ không ghi chép về ruộng tế mà quy định lệ cầu an, đồ mã, lợn, gà, chè, hoa quả đều do bốn giáp cung cấp. Hơn nữa, về lễ vật cúng cũng có sự thay đổi. Năm Cảnh Hưng thứ 39 (1778), lễ vật cúng chỉ có bánh dày, còn năm Gia Long thứ 18 (1819), lễ vật cúng nhiều thứ hơn, kinh phí cũng tốn kém hơn.

Lễ vật sau khi cúng tế thường được biếu cho một số người trong làng (giáp/thôn/xã) thể hiện lòng kính trọng, còn lại bao nhiêu mới chia cho mọi người. Đối tượng biếu đãi gồm

những người khác nhau, biếu cho những người trong hội Tư văn, người đỗ đạt khoa trường, quan viên, chức sắc tại địa phương, những người trực tiếp làm lễ cúng, người phục vụ cho việc cúng lễ. Một số làng xã tiến hành cúng cầu an tại chùa và sau khi cúng xong một phần lễ vật sẽ được biếu cho sư trong chùa. Tuy nhiên, tùy tục lệ từng làng mà lễ vật ấy được biếu cho những người nào. Thông thường, biếu xong số lễ vật còn lại sẽ được giáp (thôn/làng/xã) mang về cùng nhau ăn uống ở nhà Đương cai hay dân ăn uống tại đình. Theo thống kê của chúng tôi, thụ lộc lễ vật cúng cầu an ở huyện Từ Liêm cụ thể như sau:

Bảng 3. Thụ lộc sau cúng cầu an huyện Từ Liêm

TT	Tên sách	Ký hiệu	Niên đại	Quan viên, chức sắc	Người làm lễ	Người phục vụ	Dân ăn cỗ	Người khác
1.	Chùa Nhất giáp khoán	A.730	Thành Thái 18 (1906)					Không ghi
2.	Đông Ngạc xã hương lão giáp lệ bạ	AFa2/68	Tự Đức 15 (1862)					Giáp lão
3.	Đông Ngạc xã hương ước điều lệ	A.2506	Cảnh Hưng 2 (1741)					Không ghi
			Cảnh Hưng 15 (1754)	+	+	+	+	Đạo tràng chùa
4.	Đông Ngạc xã tục lệ	A.732	Không ghi					Không ghi
5.	Phú Diễn	AFa2/55	Minh Mệnh 15 (1834)					Không ghi
6.	Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Cổ Nhuế tổng Phù Diễn xã Nguyên Xá thôn khoán lệ	AFa2/55	Tự Đức 3 (1850)					Không ghi
7.	Kiều Trì	AFa2/55	Cảnh Thịnh 8 (1800)					Không ghi
8.	Trung thôn	AFa2/58	Tự Đức 31 (1878)					Không ghi
9.	Hạ thôn	AFa2/58	Đồng Khánh 2 (1887)					Không ghi
10.	Thượng Cát	AFa2/59	Tự Đức 14 (1861)					Không ghi
11.	Thượng Cát vạ	AFa2/59	Thành Thái 6 (1894)					Không ghi
12.	Mạc Xá	AFa2/59	Cảnh Hưng 39 (1778)					Không ghi
			Gia Long 18 (1819)					Không ghi
13.	Thụy Phương	AFa2/63	Thành Thái 18 (1906)					Không ghi
14.	Nhật Tảo	AFa2/63	Gia Long 5 (1806)				+	Biếu không ghi rõ
15.	Phúc Lý	AFa2/64	Gia Long 2 (1803)					Không ghi
16.	Hạ Hội	AFa2/64	Tự Đức 11 (1858)					Không ghi
17.	Nội thôn	AFa2/66	Minh Mệnh 9 (1828)				+	
18.	La Dương	AFa2/78	Thiệu Trị 2 (1842)	+				Biếu thủ lợn không ghi rõ

19.	Hoa Ngạc xã tế lễ nghi tiết bạ	AFa2/62	Cảnh Hưng 44 (1783)					Không ghi
20.	Hữu Quang hạng lệ	A.2019	Tự Đức 17 (1864)					Không ghi
21.	Kiều Trì hương lệ	A.422/2	Cảnh Hưng 8 (1747)					Cho phiên đó rượu, xôi, lợn
22.	Lập khoán hương lệ	A.1345	Tự Đức 14 (1861)					Không ghi
23.	Ngạc Nhất giáp lệ bạ	AFa2/71	Cảnh Hưng 15 (1754)					Không ghi
			Cảnh Hưng 2 (1741)					Không ghi
24.	Ngạc Nhất giáp lệ bạ	AFa2/73	Cảnh Hưng 9 (1748)				+	Xôi thịt nửa làm phần

Từ bảng thống kê 3. ở trên cho thấy, sau khi cúng cầu an xong, lễ vật cúng tế ở hầu hết các văn bản tục lệ huyện Từ Liêm thường được biếu cho một số người trong làng (giáp/thôn/xã) thể hiện lòng kính trọng, còn lại bao nhiêu mới chia cho mọi người. Đối tượng biếu đãi gồm nhiều người khác nhau, biếu cho những người trong hội Tư văn, người đỗ đạt khoa trường, quan viên, chức sắc tại địa phương, những người trực tiếp làm lễ cúng, người phục vụ cho việc cúng lễ. Một số làng xã tiến hành cúng cầu an tại chùa và sau khi cúng xong một phần lễ vật sẽ được biếu cho sư trong chùa. Tuy nhiên, tùy tục lệ từng làng mà lễ vật ấy được biếu cho những người nào. Thông thường, sau khi biếu xong số lễ vật còn lại sẽ được giáp (thôn/làng/xã) mang về cùng nhau ăn uống ở nhà Đương cai hay dân ăn uống tại đình. Cụ thể, văn bản *Đông Ngạc xã hương ước*, lập vào năm Cảnh Hưng thứ 15 (1754) quy định khá chi tiết việc thụ lộc. Lễ vật sau khi cúng xong được biếu cho quan viên, chức sắc địa phương, những người tham gia cúng lễ, người phục vụ và đạo tràng trong chùa, còn lại bao nhiêu, cho dân ăn cỗ. Bản phong tục xã La Dương có lệ biếu thủ lợn nhưng không ghi cụ thể đối tượng được biếu. Bản tục lệ giáp Ngạc Nhất, xã Đông Ngạc quy định xôi thịt một nửa làm phần biếu. Nhìn chung, việc thụ lộc vào ngày cúng cầu an chưa được các văn bản ghi chép rõ ràng, tỉ mỉ.

2.3. So sánh lệ cúng cầu an qua văn bản tục lệ huyện Từ Liêm và Thanh Trì

Nhằm tìm hiểu rõ hơn về lệ cúng cầu an của huyện Từ Liêm, chúng tôi đã tiến hành so sánh lệ cúng này giữa hai huyện Từ Liêm và Thanh Trì để tìm ra những nét tương đồng và dị biệt. Vì hai huyện này đều thuộc tỉnh Hà Đông xưa, có nhiều điểm tương đồng về vị trí địa lý, phong tục tập quán và khí hậu. Về số lượng văn bản thì tục lệ huyện Từ Liêm có 24 văn bản quy định lệ cúng cầu an, còn quy định lễ cúng này ở huyện Thanh Trì 20 văn bản. Dưới đây chúng tôi sẽ tiến hành so sánh lệ cúng cầu an của hai huyện Từ Liêm và Thanh Trì trên các phương diện sau: thời gian tổ chức cúng, lễ vật cúng, nguồn kinh phí mua sắm lễ vật và thụ lộc sau khi cúng.

2.3.1. Thời gian cúng cầu an

Giống nhau: cả hai huyện đều cúng cầu an vào các tháng 2, 3, 4, 5.

Khác nhau: hầu hết các xã huyện Từ Liêm cúng vào tháng 3, còn huyện Thanh Trì các xã cúng nhiều nhất vào tháng 4. Các làng xã huyện Từ Liêm chỉ cúng cầu an mỗi năm một

lần, còn huyện Thanh Trì có xã Giáp Nhất cúng cầu an 2 lần một năm, vào các tháng 3 và 4.

2.3.2. Lễ vật cúng cầu an

Giống nhau: cả hai huyện đều dâng cúng xôi, rượu, trầu cau và gia súc là lợn, gà không có trâu, bò. Một số làng xã dâng lễ vật cúng cầu an mâm cỗ chay, cỗ mặn.

Khác nhau: một số làng xã huyện Từ Liêm dâng lễ vật cúng cầu an là món chè, bánh dày (xã Mạc Xá), hộp muối vừng (xã Nhật Tảo) còn xã Định Công Thượng, huyện Thanh Trì dâng cúng bánh đường mềm (xã Định Công Thượng), bánh chay (xã Mỹ Liệt), gỏi cá (xã Giáp Nhất). Nhìn chung, lễ vật cúng cầu an cả hai huyện rất phong phú, đa dạng, mang đặc trưng của rõ nét của từng địa phương. Nhìn chung, lễ vật cúng cầu an của huyện Thanh Trì phong phú, số lượng nhiều và tốn kém hơn huyện Từ Liêm.

2.3.3. Nguồn kinh phí mua sắm lễ vật

Kinh phí mua sắm lễ vật cúng cầu an được lấy từ nhiều nguồn khác nhau, chủ yếu do giáp (thôn/làng/xã) chi tiền, tiền mua sắm lễ vật chia cho số người trong giáp (hương ẩm). Ngoài ra, kinh phí được lấy từ hoa lợi của ruộng tế, nhưng cũng có một số làng xã không ghi cụ thể. Nhìn chung, nguồn kinh phí mua sắm lễ vật cúng cầu an, hai huyện giống nhau, cơ bản không có sự khác biệt.

2.3.4. Thụ lộc

Hình thức thụ lộc của hai huyện được chia thành hai phân chính: kính biếu và thụ lộc. Đối tượng được kính biếu là thành viên Hội Tư vấn, những người đỗ đạt khoa trường, quan viên, chức sắc, những người làm lễ, kỳ mục, hương lão. Những người thụ lộc gồm có những người phục vụ cho lễ cúng, dân đinh, già trẻ lớn bé. Tuy nhiên, đối tượng kính biếu và thụ lộc còn phụ thuộc vào số lượng lễ vật dâng cúng. Có làng xã lễ vật cúng đơn giản, lễ vật không nhiều thì thường không ghi rõ những người kính biếu và thụ lộc. Cụ thể như thôn Kiều Trì, xã Phù Diễn, huyện Từ Liêm lễ vật cúng cầu an gồm nửa cân xôi, nửa chính rượu, nửa cân thịt, không ghi rõ những người nào được kính biếu và thụ lộc. Xã Đông Trì, huyện Thanh Trì lễ vật cúng gia súc, đồ mã, cũng không ghi rõ những người được kính biếu và thụ lộc. Văn hội xã Quang Liệt, huyện Thanh Trì không quy định cụ thể lễ vật dâng cúng cũng như những người được kính biếu và thụ lộc. Khác nhau giữa hai huyện Từ Liêm và Thanh Trì về những người kính biếu. Huyện Thanh Trì kính biếu hội Tư vấn, những người đỗ đạt nhưng huyện Từ Liêm thì không có quy định này. Huyện Từ Liêm có lệ biếu cho những người phục vụ lễ cúng nhưng huyện Thanh Trì lại không có lệ này.

3. KẾT LUẬN

Thông qua việc khảo cứu lệ cầu an của huyện Từ Liêm, chúng tôi nhận thấy phong tục thờ cúng ở làng xã xưa rất được coi trọng, thể hiện mong muốn được sống bình yên, khỏe mạnh của người dân. Đồng thời, mỗi ngày cúng tế diễn ra cũng là dịp người dân địa phương gắn kết tình cảm cộng đồng, làng xóm, cùng nhau sắm sửa, tổ chức ăn uống. Một số làng xã, lễ cúng cầu an không chỉ được tổ chức tại đình hoặc miếu mà còn diễn ra ở chùa. Đình và miếu thường là nơi thờ các vị thần Thành hoàng làng, có công với dân làng và phù hộ cho

dân địa phương có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Chùa thờ Phật và cũng là nơi sinh hoạt tâm linh cho mọi người dân không phân biệt già trẻ, nam nữ. Chính vì vậy, họ cúng cầu an ở đình, chùa, miếu nhằm gửi gắm mong ước và đức tin của người dân địa phương đến đáng tối cao. Tùy theo điều kiện kinh tế và phong tục, lễ vật cúng của địa phương mang đặc trưng của từng làng xã riêng biệt. Đó là những sản vật được làm ra từ bàn tay lao động chăm chỉ, cần cù của người dân và sẵn có ở nơi họ sống. Lễ cúng cầu an đã xuất hiện từ lâu trong đời sống tâm linh của người dân Việt Nam xưa và hiện nay vẫn được các làng xã, phố phường tổ chức cúng tế vào đầu năm. Dường như lễ cúng này mang trong mình sức sống lâu dài, bền bỉ, mang nhiều nét đẹp văn hóa của người dân Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Đông Khánh địa dư chí*, tập 2, Nxb. Thế giới.
2. *Chùa Nhất giáp khoán*, ký hiệu A.730
3. *Đông Ngạc xã hương lão giáp lệ bạ*, ký hiệu AF a2/68
4. *Đông Ngạc xã hương ước điều lệ*, ký hiệu A.2506
5. *Đông Ngạc xã tục lệ*, ký hiệu A.732
6. *Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Cổ Nhé tổng các xã thôn khoán lệ*, ký hiệu AF a2/55
7. *Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Hạ Trì tổng các xã thôn phường vạn phong tục*, ký hiệu AF a2/58
8. *Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Hạ Trì tổng các xã phong tục*, ký hiệu AF a2/59
9. *Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Phú Gia tổng cá xã phong tục*, ký hiệu AF a2/63
10. *Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Tây Tựu tổng các xã khoán lệ*, ký hiệu AF a2/64
11. *Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Thượng Trì tổng Thượng Trì xã Nội thôn phong tục*, ký hiệu AF a2/66
12. *Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Yên Lũng tổng La Dương xã phong tục*, ký hiệu AF a2/78

RESEARCH ON CAU AN WORSHIP THROUGH HAN NOM CUSTOMARY DOCUMENTS IN TU LIEM DISTRICT OF FORMER HA DONG PROVINCE

Abstract: *The sacrifice section in Han Nom customary documents includes many rituals such as Lunar New Year, Praying for Peace, Praying for Happiness, Trung Nguyen, Mid-Autumn Festival, New rice, New Year's Eve... Each ritual usually has a certain meaning. With the desire to live a healthy and peaceful life, the people of the old village often organize praying for peace at the beginning of the year. This article explores the ancient Cau An worshipping ceremony through customary documents of Tu Liem district.*

Keywords: *Custom, pray for peace, Tu Liem District.*